

Phát triển năng lực đọc hiểu cho học sinh lớp 3 dựa vào đặc trưng phong cách ngôn ngữ văn bản thông tin

Lê Vũ Trâm Uyên*, Nguyễn Trọng Hiếu**

*HVCH Giáo dục Tiểu học, Trường Đại học Đồng Tháp

**TS. Trường Đại học Đồng Tháp

Received: 20/7/2024; Accepted: 29/7/2024; Published: 5/8/2024

Abstract: It is extremely necessary to learn about methods and measures for teaching informational texts to help students have the ability to read and understand this type of text. In fact, teaching comprehension in general and teaching reading comprehension of informational texts in particular in Vietnamese for teachers and students in some primary schools is still limited. In particular, teaching reading comprehension in grade 3 currently only stops at teaching each specific text, not focusing on forming reading skills, aiming at the goal of developing students' reading comprehension ability.

Keywords: Reading comprehension, grade 3, competency development, informational text

1. Đặt vấn đề

Văn bản thông tin (VBTT) là loại văn bản (VB) đặc biệt, chủ yếu dùng để cung cấp thông tin về các hiện tượng tự nhiên, thuật lại các sự kiện, giới thiệu các danh lam thắng cảnh, hướng dẫn các quy trình thực hiện một công việc nào đó,... Việc tìm hiểu phương pháp, biện pháp dạy học VBTT để giúp học sinh (HS) có năng lực đọc hiểu (ĐH) loại VB này là vô cùng cần thiết. Thực tế việc dạy học đọc hiểu (ĐH) nói chung và dạy học ĐH VBTT nói riêng trong môn Tiếng Việt của giáo viên (GV) và HS ở một số trường tiểu học còn hạn chế. Đặc biệt, dạy ĐH ở lớp 3 hiện nay chỉ dừng lại ở dạy từng VB cụ thể, chưa chú trọng đến hình thành kỹ năng đọc, hướng tới mục tiêu phát triển năng lực ĐH của HS. Việc ĐH VBTT cho HS tiểu học là một quá trình bao gồm nhiều kỹ năng và phương pháp.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Tìm hiểu chung về VB đọc

Thông thường, GV sử dụng lời nói để giới thiệu bài học, nhưng để tăng cường sự hứng thú và khả năng tiếp thu của HS, việc kết hợp các phương tiện dạy học đa dạng là rất quan trọng. Các phương tiện dạy học không chỉ giúp làm rõ nội dung mà còn tạo ra một môi trường học tập phong phú và sinh động.

2.1.1. Sử dụng hình ảnh và video: Hình ảnh và video có thể giúp minh họa các khái niệm trừu tượng, làm cho chúng trở nên cụ thể và dễ hiểu hơn.

Ví dụ: Khi dạy bài “Cô gái nhỏ hóa “kình ngư”” - sách Tiếng Việt lớp 3 tập 2, bộ sách *Chân trời sáng tạo* - trang 44, GV có thể sử dụng hình ảnh của vận động viên Nguyễn Thị Ánh Viên và video minh họa

về tài năng bơi lội của cô để HS có thể trực quan làm cho HS hiểu sâu sắc hơn và cảm nhận được về nhân vật cũng như VB.

2.1.2. Sử dụng bảng biểu và sơ đồ: Bảng biểu và sơ đồ là công cụ hữu ích để tổ chức và trình bày thông tin một cách có hệ thống. Khi học về các chủ đề như chuỗi thức ăn hoặc quá trình quang hợp, sơ đồ giúp HS dễ dàng theo dõi và hiểu mối quan hệ giữa các thành phần khác nhau.

Ví dụ: Khi dạy bài “Bản tin Ngày hội Nghệ sĩ nhí” - sách Tiếng Việt lớp 3 tập 1, bộ sách *Chân trời sáng tạo* - trang 28. GV có thể yêu cầu HS vẽ sơ đồ tư duy về các câu lạc bộ được tổ chức trong Ngày hội Nghệ sĩ nhí.



2.1.3. Sử dụng tài liệu số và phần mềm giáo dục: Các tài liệu số và phần mềm giáo dục cung cấp nguồn tư liệu phong phú và đa dạng. Các trang web giáo dục, ebook, và ứng dụng đọc hiểu có thể giúp HS tiếp cận nhiều loại VBTT phù hợp với trình độ và sở thích của mình.

Ví dụ: Khi dạy bài “Cô gái nhỏ hóa “kình ngư”” - sách Tiếng Việt lớp 3 tập 2, bộ sách *Chân trời sáng tạo* - trang 44, GV có thể cung cấp thêm về các số

liệu về các cuộc thi, số liệu về huy chương mà Ánh Viên đã đạt được để HS được hiểu mở rộng hơn về nhân vật này: Nguyễn Thị Ánh Viên là cựu nữ vận động viên bơi lội thuộc Đoàn Thể thao Quân đội và Đội tuyển Bơi lội Quốc gia với quân hàm Trung tá quân đội nhân dân Việt Nam. Khi mới 19 tuổi cô đã giành 8 huy chương vàng, 1 huy chương bạc, 1 huy chương đồng cho Việt Nam và đã phá 8 kỷ lục, được công nhận là vận động viên xuất sắc nhất tại Đại hội Thể thao Đông Nam Á 2015 ở Singapore với 8 huy chương vàng...

2.1.4. Sử dụng hoạt động thực hành và trò chơi học tập: Hoạt động thực hành và trò chơi học tập không chỉ tạo sự hứng thú mà còn giúp củng cố kiến thức đã học.

Ví dụ: Khi dạy bài “Đồng hồ Mặt Trời” - sách Tiếng Việt lớp 3 tập 1, bộ sách *Chân trời sáng tạo* - trang 90. GV có thể xây dựng trò chơi tìm và nêu công dụng của những chiếc đồng hồ mà em biết để tạo hứng thú học tập cho các em khi kết nối vào bài.

GV sẽ có 1 chiếc giỏ chứa các loại đồng hồ khác nhau. Chia lớp thành 3 nhóm lớn trong vòng 30 giây các nhóm sẽ chọn nhanh chiếc đồng hồ mình biết sau đó nêu tên và công dụng của chiếc đồng hồ đó. Đội nào trả lời được nhiều nhất sẽ chiến thắng.

2.2. Nhận diện và hiểu nghĩa VB

2.2.1. Nhận diện và hiểu đề tài, tên VB: Đề tài của một VB trả lời cho câu hỏi “VB viết về ai?” hoặc “Về việc gì?”. Đây là bước đầu tiên và rất quan trọng để HS nắm bắt nội dung chính của bài học. Trong phần tìm hiểu chung về tác giả và VB, HS đã có những hình dung ban đầu về đề tài của VB. Tuy nhiên, GV cần cung cấp thêm hướng dẫn cụ thể để HS có thể xác định đề tài một cách chính xác hơn. Điều này có thể được thực hiện thông qua việc phân tích các yếu tố như chủ đề của bài học, tranh minh họa đi kèm, tên bài, tên người hoặc tên vật được đề cập trong VB.

Ví dụ: Đối với VB “Thứ Bảy xanh” - sách Tiếng Việt lớp 3 tập 1, bộ sách *Chân trời sáng tạo* - trang 100, đề tài của VB này liên quan đến việc bảo vệ môi trường và giảm tải rác thải nhựa trong cuộc sống sinh hoạt hằng ngày. GV có thể hướng dẫn HS nhận diện đề tài qua các câu hỏi như: “VB này viết về điều gì?” hoặc “VB muốn truyền tải với chúng ta thông điệp gì?” hoặc là “Việc làm đó có ý nghĩa như thế nào trong cuộc sống của chúng ta?”. Việc sử dụng tranh minh họa về các hình ảnh trong bài đọc và thêm nhiều hình ảnh các sản phẩm làm từ rác thải nhựa sẽ giúp HS dễ dàng hình dung và xác định đề tài, nội dung chính, ý nghĩa của bài học.

2.2.2. Nhận diện và hiểu nghĩa từ ngữ trong VB: Trong các VB dành cho HS lớp 3, thường không có quá nhiều từ ngữ mới, nhưng vẫn có một số từ khó hoặc từ Hán Việt, thuật ngữ hoặc từ địa phương mà HS có thể chưa biết. Để giúp HS hiểu nghĩa của những từ này, GV cần hướng dẫn HS cách sử dụng ngữ cảnh, hình ảnh trực quan, định nghĩa, khái niệm, hoặc tìm từ đồng nghĩa và trái nghĩa.

GV cần chú ý rằng từ ngữ mới có thể khác nhau đối với từng HS, vì vậy việc giải nghĩa từ ngữ mới phải được thực hiện sao cho phù hợp với tất cả các đối tượng HS trong lớp.

Ví dụ: Trong bài đọc về “Đua ghe ngo” - sách Tiếng Việt lớp 3 tập 2, bộ sách *Chân trời sáng tạo* - trang 14, có một số từ ngữ quan trọng như “đồng nghịt”, “hoa văn”, “Khmer”, “Phèng la”, “bút phá”,... + “đồng nghịt”: đồng đến mức làm chật kín cả một khoảng rộng.

+ “hoa văn”: hình trang trí được vẽ, chạm, khắc trên các đồ vật.

Đây là những từ ngữ cơ bản nhưng cần được hiểu rõ để HS có thể mô tả về lễ hội đua ghe ngo, một hoạt động văn hóa đặc trưng của người Khmer Nam Bộ. HS sẽ học về nguồn gốc, ý nghĩa và cách thức tổ chức lễ hội này, từ đó phát triển khả năng nhận diện và hiểu về các VB miêu tả sự kiện văn hóa.

2.2.3. Nhận diện và hiểu nghĩa từ ngữ chỉ dẫn: Nhận diện và hiểu nghĩa từ ngữ chỉ dẫn là bước quan trọng trong quá trình ĐH VB. Các từ ngữ chỉ dẫn có vai trò quan trọng trong việc nhấn mạnh, bổ sung, so sánh, tương phản, và minh họa các ý trong VB. Trước khi bắt đầu tìm hiểu nội dung chi tiết của VB, HS cần nhận diện và hiểu nghĩa của các từ ngữ này.

GV có thể yêu cầu HS ghi chú các từ ngữ chỉ dẫn bằng màu khác với các từ khó và từ mới. Điều này có thể được thực hiện bằng cách giao nhiệm vụ đọc thầm một cách cụ thể, chẳng hạn như “Hãy tìm và đánh dấu tất cả các từ ngữ chỉ dẫn trong đoạn văn này”. Điều này giúp HS tập trung vào việc xác định các từ ngữ quan trọng và hiểu rõ hơn vai trò của chúng trong câu.

Ví dụ: Trong bài “Một điểm đến thú vị” - sách Tiếng Việt lớp 3 - tập 2, bộ sách *Chân trời sáng tạo* - trang 96, có một số từ ngữ chỉ dẫn quan trọng như “Tây Nguyên”, “cà phê”, “Hồ Lắk”, “Thác Đờ-rây Nu”. Hãy xem xét từng từ để hiểu rõ hơn:

(1). Tây Nguyên: vùng cao nguyên thuộc miền Trung nước ta, gồm 5 tỉnh: Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng.

(2). Cà phê: Cà phê là một loại cây trồng đặc trưng và nổi bật ở vùng Tây Nguyên của Việt Nam,

cây cà phê không chỉ góp phần quan trọng vào nền kinh tế nông nghiệp mà còn gắn bó mật thiết với đời sống văn hóa và sinh hoạt của người dân địa phương.

(3). Hồ Lắc: Là hồ nước ngọt lớn nhất tỉnh Đắk Lắk.

(4). Thác Đờ-rây Nu: một ngọn thác hùng vĩ thuộc tỉnh Đắk Lắk.

Trong ví dụ này, từ ngữ như “Tây Nguyên”, “cà phê”, “Hồ Lắc”, “Thác Đờ-rây Nu” là các từ chỉ dẫn rất quan trọng giúp HS biết được các điểm đến thú vị ở vùng cao nguyên. Việc phân tích các từ chỉ dẫn này giúp HS có thể áp dụng được vào thực tế và mở rộng vốn từ vựng của mình.

2.3. Nhận diện và hiểu nghĩa câu

2.3.1. Nhận diện và hiểu nghĩa câu quan trọng

Thường thì câu quan trọng được đặt ở đầu hoặc cuối đoạn văn để làm nổi bật ý chính của VB. Kỹ năng nhận diện và hiểu nghĩa của câu quan trọng giúp HS dễ dàng xác định và tập trung vào những thông tin quan trọng nhất, từ đó hiểu rõ hơn nội dung và ý nghĩa của VB.

Việc đặt câu hỏi nhằm nhận diện câu văn quan trọng giúp HS chú ý đến các phần quan trọng trong VB. Các câu hỏi như “Câu nào nêu lên ý chính của đoạn văn?”, “Câu nào giúp em hiểu vai trò của một khái niệm?”, hay “Câu nào làm rõ hành động cần thiết để đạt được mục tiêu của VB?” có thể khơi gợi sự chú ý và khám phá của HS.

Ví dụ: Trong bài “Cuốn sách em yêu” - sách Tiếng Việt lớp 3 - tập 1, bộ sách *Chân trời sáng tạo* - trang 93, câu quan trọng có thể là:

- “Hãy tìm đọc Totto-chan bên cửa sổ. Tớ tin chắc các bạn sẽ thích mê ngôi trường hạnh phúc trong cuốn sách này”.

- Nhận diện và hiểu nghĩa: Câu này nêu lên ý nghĩa quan trọng của bài đọc lí do vì sao bạn nhỏ lại yêu cuốn sách “Totto-chan bên cửa sổ”.

- Vị trí trong VB: Câu quan trọng nằm ở đoạn văn cuối của VB.

2.3.2. Nhận diện và hiểu nghĩa đoạn: Đoạn văn là thành phần cấu tạo trực tiếp của một bài văn. Với HS lớp 3, việc nhận diện đoạn văn thông qua các dấu hiệu ngữ pháp không phải là điều quá khó khăn. HS thường có thể dễ dàng nhận ra đoạn văn bằng cách nhận biết các dấu xuống dòng. Ý nghĩa của đoạn văn có thể được thể hiện rõ ràng thông qua câu chủ đề, hoặc đôi khi phải tổng hợp từ nhiều nhóm câu có cùng nội dung trong đoạn.

Ví dụ: Khi đọc VB “Hương vị Tết bốn phương” – sách Tiếng Việt - tập 2, bộ sách *Chân trời sáng tạo* - trang 109, HS nhận ra được VB gồm bốn đoạn

trương ứng với ba lần xuống dòng và ý của mỗi đoạn chính là các ý lớn của VB:

Ý đoạn 1: Món ăn đặc trưng ngày Tết của người Nhật Bản.

Ý đoạn 2: Món ăn đặc trưng ngày Tết của người Lào.

Ý đoạn 3: Món ăn đặc trưng ngày Tết của người Ca-na-đa.

Ý đoạn 4: Món ăn đặc trưng ngày Tết của người Mê-xi-cô.

2.3.3. Nhận diện và hiểu cấu trúc VB: Việc nhận diện và hiểu cấu trúc VB trong ĐH VBTT là một yếu tố quan trọng. HS dựa vào khả năng nhận diện và hiểu nghĩa của từng đoạn văn để phát triển kỹ năng này. Ngoài việc hỗ trợ quá trình hiểu nội dung VB, việc nhận diện và hiểu cấu trúc VB còn hỗ trợ quá trình tạo ra bài văn của HS. Tuy nhiên, không nên yêu cầu HS nhận diện và hiểu cấu trúc VB mỗi khi ĐH các VB, đặc biệt là đối với các VB đa dạng về cấu trúc.

Ví dụ: Khi dạy bài “Thư thăm bạn” - sách Tiếng Việt lớp 3 - tập 1, bộ sách *Chân trời sáng tạo* - trang 107, HS nhận diện chung được cấu trúc chung của một bức thư. GV có thể đặt câu hỏi: Bức thư gồm những phần nào? giúp HS xác định cấu trúc bức thư.

- Phần đầu thư: Địa điểm, thời gian viết thư; Lời xưng hô; Lời thăm hỏi

- Phần chính: Thông báo tình hình của người viết thư; Chia sẻ cảm xúc, mong muốn

- Phần cuối thư: Lời chúc; Chữ kí và tên

3. Kết luận

Để việc dạy học ĐH VBTT trong trường tiểu học đáp ứng yêu cầu cần đạt về ĐH VBTT theo chương trình, cần đảm bảo đặc trưng của VBTT nhằm phát huy tính tích cực của HS trong suốt tiến trình ĐH. Điều này phải phù hợp với điều kiện dạy học trong bối cảnh ngày càng tăng cường sử dụng công nghệ thông tin. Cần đề xuất và áp dụng các biện pháp dạy học ĐH VBTT theo định hướng phát triển năng lực, thiết kế chuẩn năng lực ĐH VBTT làm cơ sở xác định nội dung, phương pháp dạy học và phương pháp kiểm tra, đánh giá năng lực ĐH VBTT.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thái Hòa (2004). *Vấn đề đọc hiểu và dạy học đọc hiểu*. Tạp chí Thông tin Khoa học sư phạm, (8), 5-7.

2. Nguyễn Thị Hạnh (2001). *Đọc hiểu VB ở Tiểu học*. NXB Giáo dục, Hà Nội:

3. Nguyễn Thị Xuân Yên, Trần Thị Thanh Tuyền (2023). *Xây dựng ngữ liệu đa phương thức rèn kỹ năng đọc hiểu VB thông tin cho học sinh lớp 4*. Tạp chí Giáo dục, (01), 1-7.